

Số: 1511131

|                                                | Mazda3 1.5L Signature | Mazda CX-5 2.0L Premium |
|------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 739.000.000đ          | 829.000.000đ            |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                       |                         |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4660 x 1795 x 1440    | 4590 x 1845 x 1680      |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2725                  | 2700                    |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                  | 5500                    |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 145                   | 200                     |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1330                  | 1550                    |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1780                  | 2000                    |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 450                   | 442                     |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 51                    | 56                      |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                     | 5                       |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước      | SX-LR trong nước        |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                       |                         |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 1.5L       | 2.0L Skyactive - G      |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                  | 1998                    |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 110 / 6000            | 154 / 6000              |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 146 / 3500            | 200 / 4000              |
| Hộp số                                         | 6AT                   | 6AT                     |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)       | Cầu trước (FWD)         |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson    | Độc lập Mc Pherson      |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn            | Liên kết đa điểm        |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                   | Đĩa                     |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                   | Đĩa                     |
| Thông số lốp xe                                | 215/45 R18            | 225/55 R19              |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                     | ●                       |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport          | Normal / Sport          |
| NGOẠI THẤT:                                    |                       |                         |
| Cụm đèn trước                                  | LED                   | LED                     |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                     | ●                       |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ●                     | ●                       |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                     | ●                       |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | ●                     | ●                       |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                     | ●                       |
| Cụm đèn sau                                    | LED                   | LED                     |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                     | Sấy gương               |
| Gạt mưa tự động                                | ●                     | ●                       |
| Cửa sổ trời                                    | ●                     | ●                       |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                          |                       |                         |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                     | ●                       |
| Chất liệu ghế                                  | Da màu đen            | Da                      |
| Ghế người lái chỉnh điện                       | ●                     | ●                       |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                    | ●                     |                         |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ             | ●                     |                         |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                         | ●                     | ●                       |

|                                                 |                  |                  |
|-------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | Analog & Digital | Analog & Digital |
| Màn hình HUD                                    | ●                | ●                |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 8.8              | 8"               |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●                | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●                | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 2                | 2                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●                | ●                |
| Chìa khóa thông minh                            | ●                | ●                |
| Khởi động nút bấm                               | ●                | ●                |
| Hệ thống âm thanh                               | 8 loa            | 10 loa Bose      |
| Lấy chuyển số                                   | ●                |                  |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●                | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | ●                | ●                |
| Rèm che nắng                                    | -                |                  |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●                | ●                |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                  |                  |
| Số túi khí                                      | 7                | 6                |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                | ●                |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●                | ●                |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                | ●                |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                | ●                |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                | ●                |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau      | Trước & Sau      |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●                | ●                |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | ●                | MRCC Stop & Go   |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●                |                  |
| Camera lùi                                      | Camera 360       | ● (Camera 360)   |